

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **129/2019/HSPT**
Ngày 05-11-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Vân**.

Các Thẩm phán: 1/ Bà **Hoàng Thị Thơ**;

2/ Bà **Lưu Thị Thu Thủy**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Lâm Hữu Nghĩa** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Hồ Minh Hiếu**, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 73/2019/TLPT- HS ngày 26-8-2019 đối với bị cáo Tạ Trung T do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 37/2019/HSST ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Tạ Trung T (tên gọi khác Ch M), sinh 1990, tại Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tạ Văn M và bà Trần Thị S; Vợ: Phạm Thị Kim N và 02 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân:

+ Ngày 15/01/2007, bị Chủ tịch UBND huyện C xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng. Chấp hành xong ngày 19/10/2008. Ngày 13/12/2011, bị TAND tỉnh Tiền Giang xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản. Chấp hành xong hình phạt ngày 06/3/2014. Bị cáo tại ngoại.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Tạ Trung T: Luật sư **Võ Trọng K** – Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị hại có kháng cáo: **Lê Y**, sinh 1989. Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư **Trần Quốc D**

– Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. **Lê Thị H**, sinh 1971. Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

2. **Tạ Văn M**, sinh 1962. Địa chỉ: ấp M, xã ML, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

3. **Mai Minh H1**, sinh 1973. Địa chỉ: ấp 4, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. **Nguyễn Trung H2**, sinh 1993. Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

2. **Cai Ngô Tô N**, sinh 2000. Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

3. **Tạ Văn C**, sinh 1997. Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

4. **Lê Thị P**, sinh 1954. Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

5. **Phan Văn B**, sinh 1995. Địa chỉ: ấp P, xã PQ, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

6. **Dương Thị Ph**, sinh 1976. Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

7. **Lê Văn Chí T1**, sinh 1999. Địa chỉ: ấp M, xã ML, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

8. **Lê Minh Th**, sinh 1989. Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

9. **Nguyễn Chí H**, sinh 1996. Địa chỉ: ấp M, xã ML, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

10. **Lê Tuấn A**, sinh 1997. Địa chỉ: ấp M, xã ML, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn về việc nợ nần nên khoảng 16 giờ ngày 05/10/2017, Tạ Trung T (Ch M) và Lê Y có điện thoại nói chuyện qua lại và xảy ra mâu thuẫn, thách thức. Lúc này Tạ Trung T kêu Nguyễn Trung H cùng đi đến nhà Y tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang để gặp Y nói chuyện, khi đi T mang theo 03

(ba) con dao tự chế để trong túi vợt tennis. Trên đường đi, T và H gặp Cai Ngô Tô N và Tạ Văn C (N E) nên Tô N điều khiển xe mô tô hai bánh không rõ biển số chở C chạy theo T. Khi đến khu vực cầu Bảy Nhượng thuộc ấp L, xã B, huyện C thì nhóm của T dừng xe lại. Phát hiện nhóm của T đến nên Y lấy một con dao loại dao chặt dừa bằng sắt, mũi bằng, dài khoảng 50cm, cán và lưỡi dao liền nhau và lên cầu đợi nhóm của T. Khi đó, T đi lại chỗ Y đang đứng để nói chuyện khoảng 10 phút và hai bên tiếp tục xảy ra cự cãi. Lúc này, T đi lại xe mô tô hai bánh 62S1-030.68 lấy 03 con dao tự chế đưa cho H và C mỗi người cầm 01 con dài khoảng 40cm, T cầm con dài 60cm đi lại chỗ Y thì xảy ra chém nhau. Trong lúc chém nhau, Y trượt chân rớt xuống đường đal dưới dốc cầu nên T cũng nhảy xuống theo. T dùng dao chém trúng Y gây thương tích ở bàn tay trái. Y được băng bó vết thương rồi đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện. Riêng H và C đứng trên dốc cầu quan sát, Tô N đứng ngay chỗ đậu xe, cả ba người không tham gia chém Y.

Theo giấy chứng nhận thương tích số 1410/YC-BVCR ngày 16/10/2017 của Bệnh viện Chợ Rẫy xác nhận thương tích của Y như sau: Vết thương cổ tay lóc da mu bàn tay; đứt động mạch trụ; mất đoạn thần kinh giữa, thần kinh trụ; đứt gân gấp cổ tay quay, cổ tay trụ, gân cơ gan tay dài, gân gấp ngón cái dài, đứt gân gấp các ngón nông 2, 3, 4, 5, gân gấp sâu ngón 3, 5. Đồng thời tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 29/2018/TgT ngày 09/01/2018 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Tiền Giang kết luận: tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Lê Y là: 34% (ba mươi bốn phần trăm).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 37/2019/HSST ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Tuyên bố bị cáo **Tạ Trung T** phạm tội “**Cố ý gây thương tích**”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Tạ Trung T 05 (năm) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các Điều 584, 585, 590 Bộ Luật dân sự. Buộc bị cáo bồi thường 74.705.000 đồng tiền thiệt hại về sức khỏe cho bị hại Y, gồm: Tiền thuốc, viện phí theo toa là 30.225.000 đồng; Tiền người nuôi bệnh là 1.390.000 đồng; Tiền mất thu nhập của bị hại là 8.340.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần là 34.750.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường 5.000.000 đồng nên phải bồi thường tiếp 69.705.000 đồng. Việc bồi thường thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không bồi thường khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

* Ngoài ra bản án còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 21-5-2019 bị hại Lê Y có đơn kháng cáo với nội dung: kháng cáo toàn bộ bản án.

* Ngày 22-5-2019 bị cáo Tạ Trung T có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt hoặc tuyên bị cáo không có tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Bị hại Lê Y giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cụ thể là: có thể còn bỏ lọt tội phạm đối với H, Tô N, C; có dấu hiệu phạm tội có tổ chức; mức hình phạt của bị cáo T là quá nhẹ; áp dụng tình tiết giảm nhẹ chưa thỏa đáng; chưa xem xét bồi thường các chi phí khác (chỉ buộc bồi thường tiền thuốc).

- Bị cáo Tạ Trung T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc tuyên bị cáo không có tội.

- Quan điểm của Kiểm sát viên cho rằng đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

Về nội dung: Về tội danh cấp sơ thẩm kết luận bị cáo T phạm tội “cố ý gây thương tích” là có cơ sở. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo T cùng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên xử phạt bị cáo T 5 năm tù là phù hợp; Về Trách nhiệm dân sự, cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các yêu cầu của bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo, bị hại cũng không cung cấp thêm tình tiết mới nào để xem xét, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, bị hại giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- **Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng:** cấp sơ thẩm đã nhiều lần trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung để thực nghiệm điều tra nhưng việc thực hiện quá sơ sài; không giám định cơ chế hình thành vết thương có phù hợp với tình tiết vụ án hay không; yêu cầu giám định lại tỷ lệ thương tật không được chấp nhận, kết luận giám định không nêu ra được căn cứ cụ thể trong thông tư hướng dẫn mà chỉ dựa vào quy định chung chung; bị hại xác định bị cáo T không phải là người gây ra thương tích ở tay của bị hại, mà xác định anh H mới là người chém anh gây thương tích. Từ đó cho rằng cấp sơ thẩm kết luận bị cáo T phạm tội “cố ý gây thương tích” là chưa thuyết phục. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội.

- **Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại cho rằng:** có một lời khai của người làm chứng nói thấy cả bốn bốn người cầm dao cùng xông tới. Như vậy cho dù anh H, Tô N, C không tham gia đâm chém anh Y cũng là có ý thức giúp sức về mặt tinh thần nên phải là đồng phạm; Về nguyên nhân anh Y có nợ tiền bị cáo hay không cũng chưa được làm rõ; chưa làm rõ vết thương anh H do ai gây ra; về Trách nhiệm dân sự chỉ chấp nhận 25 tháng lương tối thiểu là chưa thỏa đáng đề nghị tăng bồi thường tổn thất về tinh thần lên 50 tháng lương tối thiểu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời khai bị cáo và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Anh H có gây thương tích cho anh Y hay không? Xét lời khai anh Y, xác định anh H mới là người chém anh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhiều lần yêu cầu bị hại Y mô tả cụ thể tư thế anh H chém anh như thế nào, nhưng anh Y đã không mô tả được. Ngoài ra không có bất kỳ tài liệu nào có trong hồ sơ thể hiện anh H là người chém anh Y.

- Tại bl 72 anh Y khai khi té xuống đường đal cả nhóm bị cáo nhảy theo chém bị hại. Tuy nhiên tại bl 73 anh lại khai sau khi bị hại và bị cáo té xuống đường đal, bị hại từ đường đal trèo lên cầu thì thấy H đứng trên đốc cầu cầm dao chém anh. Như vậy, anh nói anh H chém anh nhưng bản thân lại không xác định được chính xác vị trí của H đứng lúc chém anh là ở đâu (ở dưới đường đal hay ở trên đốc cầu) là mâu thuẫn.

- Tại bl 79 khi được kiểm sát viên phúc cung, anh xác định thật sự không biết ai là người gây thương tích cho anh. Anh nói H chém vì anh có nghe tiếng H nói “Tao lấy mạng mày” nên nghĩ là anh H gây thương tích cho anh. Trước đó anh Y đã xác định với Hội đồng xét xử, khi được kiểm sát viên phúc cung anh không hề bị đe dọa hay cưỡng ép. Lời khai trong bản cung do anh tự khai nhận.

Từ các phân tích trên xác định, lời khai anh Y cho rằng anh H là người gây thương tích cho anh hoàn toàn không có căn cứ nên bác.

[2] Xác định người gây thương tích cho anh Y:

- Tại bl số 03, anh Cai Ngô Tô N (người đi chung nhóm với bị cáo) khai khi đem giao nộp hung khí đã xác định ngay từ đầu con dao dài nhất là con dao mà bị cáo T (Ch M) sử dụng chém Y gây thương tích vào ngày 05/10/2017.

- Tại các bản tự khai do chính bị cáo tự viết (các bl 54, 55, 56) và tại các biên bản lấy cung, ghi lời khai (các bl từ 57 đến 66) bị cáo đều thừa nhận vết thương trên tay anh Y do một mình bị cáo gây ra. Tại biên bản đối chất với anh Y ngày 08/02/2018 (bl 81), anh Y cho rằng vết thương của anh do anh H gây ra, nhưng bị cáo vẫn cam đoan lời khai nhận của mình là đúng, và tại các biên bản lấy cung thời gian sau đó, ngay cả khi kết thúc điều tra chuyển sang Viện kiểm sát truy tố bị cáo vẫn tiếp tục xác định bị cáo là người gây thương tích cho anh Y. Các lời khai này của bị cáo lại phù hợp với lời khai của các nhân chứng có mặt tại hiện trường như các anh B (bl 118, 120), anh Th (bl 303), anh T1 (bl 111, 112); phù hợp với lời khai các bạn chung nhóm đi cùng là anh H (bl 79, 94), anh Tô N (bl 102), anh C (bl 99) đều khai rằng thấy T, Y chém nhau qua lại trên cầu nhưng không ai có thương tích. Sau khi té dưới đường đal hai bên tiếp tục ẩu đả sau đó thấy Y bị thương tay trái, còn hai người còn lại (H, N E) cầm dao đứng trên bờ nhìn xuống không tham gia.

- Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo cho rằng vết thương có thể do anh Y tự gây ra trong khi trượt té từ trên cầu xuống, Hội đồng xét xử nhận thấy theo lời khai

bị cáo, là sau khi té xuống đường đal bị cáo bị trượt ngã, anh Y xông vào chém bị cáo, bị cáo cầm dao quơ lại sau đó thấy anh Y bị thương ở tay và chảy máu rất nhiều. Như vậy, sau khi trượt té xuống đường đal anh Y vẫn chưa hề bị thương, sau đó thấy bị cáo ngã mới xông vào chém bị cáo. Do đó không thể nói vết thương của anh Y có trước đó do khi bị té xuống tự gây ra được.

Từ những phân tích trên, xác định người gây ra thương tích cho anh Y là bị cáo T. Bị cáo cho rằng do bị anh Y xông đến chém nên quơ đại **không có cố ý gây thương tích cho anh Y** là không có cơ sở, bởi lẽ bị cáo là người chủ động mang hung khí đến tìm anh Y để gây sự. Khi hai bên gặp nhau trên cầu cải và không giải quyết được mâu thuẫn bị cáo quay lại xe lấy dao xông đến chém nhau cùng với Y; Hai bên chém nhau từ trên cầu cho đến khi té xuống đường đal vẫn tiếp tục ẩu đả là một chuỗi liên tục của hành vi cố ý dùng hung khí gây thương tích cho nhau nên bác ý kiến này.

[3] Căn cứ kết tội: Từ các phân tích tại phần **[1]** và **[2]** Hội đồng xét xử kết luận, khi xảy ra mâu thuẫn giữa hai bên vào khoảng 16 giờ ngày 05/10/2017 tại khu vực cầu Bảy Nhượng thuộc ấp L, xã B, huyện C bị cáo đã sử dụng một con dao tự chế do bị cáo đem theo chủ động chém anh Y gây ra thương tích ở cánh tay trái với tỷ lệ thương tật theo kết quả giám định là 34%. Về mặt ý thức, bị cáo đã có sẵn ý thức đối kháng ngay từ đầu. Bị cáo thừa biết con dao là vật sắc nhọn hoàn toàn có khả năng gây thương tích cho người khác. Nhưng vẫn sử dụng chém vào người bị hại bất chấp hậu quả xảy ra. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 05/10/2017 là trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực. Theo điểm b khoản 1 điều 2 Nghị quyết số 41 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì “Các điều khoản và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử ...”. Xét hành vi phạm tội của bị cáo theo Bộ luật hình sự tại thời điểm phạm tội sẽ bị kết án theo khoản 3 điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt cao nhất đến 15 năm, so với luật mới quy định tại điểm c khoản 3 điều 134 có khung hình phạt cao nhất là 10 năm tù, có lợi hơn cho bị cáo nên cấp sơ thẩm áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Xét về mức án:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như về nhân thân xử phạt bị cáo mức án 5 năm tù là phù hợp. Từ khi xét xử ở cấp sơ thẩm đến nay bị cáo, bị hại cũng không có cung cấp thêm tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mới nào để xem xét. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin tăng, giảm án của bị cáo, bị hại.

[5] Về phân trách nhiệm dân sự: Bản án sơ thẩm đã quyết định buộc bị cáo bồi thường thiệt hại đầy đủ các khoản cho bị hại gồm: tiền thuốc, viện phí theo toa 30.225.000 đ; tiền người nuôi bệnh 1.390.000 đ; tiền mất thu nhập của

bị cáo 8.340.000 đ; tiền tổn thất tinh thần 34.750.000 đ là đã đầy đủ, phù hợp pháp luật. Ý kiến luật sư đề nghị tăng mức bồi thường tổn thất về tinh thần lên mức tối đa là 50 tháng lương tối thiểu là không có cơ sở, bởi lẽ giữa hai bên cùng thách thức nhau; anh Y biết và vẫn chủ động cầm dao đợi bị cáo đến; thương tích xảy ra trong quá trình hai bên cùng cầm dao chém nhau mà có, nên cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận 25 tháng lương theo mức độ lỗi 5/5 của mỗi bên là phù hợp nên bác.

[6]Xét ý kiến luật sư bảo vệ bị hại cho rằng: có một lời khai của người làm chứng nói thấy cả bốn bốn người cầm dao cùng xông tới. Như vậy cho dù anh H, Ton, C không tham gia đâm chém anh Y cũng là có ý thức giúp sức về mặt tinh thần nên phải là đồng phạm. Xét ý kiến này Hội đồng xét xử nhận định lời khai duy nhất trên là của bà Lê Thị P hoàn toàn trái với lời khai các nhân chứng khác là chỉ có một mình bị cáo và Y chém nhau, những người còn lại không tham gia. Bà P lại là cô của anh Y nên lời khai của bà là không có cơ sở để tin. Tài liệu có trong hồ sơ đều thể hiện anh H, Tô N, Công ngay từ đầu không hề có bàn bạc, hoặc biết gì về mục đích của bị cáo T khi đi chung. Chỉ khi đến nơi mới thấy Y và T cự cãi nhau. Khi bị cáo T đưa dao thì H, C là bạn T nên cầm. Theo các nhân chứng, những người này không có tham gia cùng T chém Y. Nếu chỉ dựa vào chi tiết họ có cầm dao để xác định họ có cùng chung mục đích với bị cáo T là hoàn toàn suy diễn, không có căn cứ vững chắc để kết luận họ là đồng phạm nên bác.

- Các phần khác của quyết định án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Về các ý kiến khác của luật sư là không có cơ sở nên bác.

- Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Tạ Trung T và bị hại Lê Y.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 37/2019/HSST ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Tuyên bố bị cáo Tạ Trung T phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

- Áp dụng Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015;

- **Xử:** Phạt bị cáo **Tạ Trung T 5 (năm) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các Điều 584, 585, 590 Bộ Luật dân sự.

Buộc bị cáo bồi thường 74.705.000 đồng tiền thiệt hại về sức khỏe cho bị hại Ý, gồm:

- Tiền thuốc, viện phí theo toa là 30.225.000 đồng;
- Tiền người nuôi bệnh là 1.390.000 đồng;
- Tiền mất thu nhập của bị hại là 8.340.000 đồng
- Tiền tiền tổn thất tinh thần là 34.750.000 đồng.

Bị cáo đã bồi thường 5.000.000 đồng nên phải bồi thường tiếp 69.705.000 đồng. Việc bồi thường thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Y có đơn yêu cầu thi hành án, mà bị cáo chưa thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường số tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo qui định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đ án phí HSPT.

4. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CATG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND huyện C, tỉnh TG;
- VKSND huyện C, tỉnh TG;
- Công an huyện C, tỉnh TG;
- THADS huyện C, tỉnh TG;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Vân